

Số: **4043** /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày **06** tháng **9** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Đính chính về nồng độ/hàm lượng, đơn vị tính của 02 thuốc và loại bỏ 11 thuốc khỏi Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 11 thuốc loại bỏ khỏi Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp.

Điều 2. Đính chính về nồng độ/hàm lượng và đơn vị tính của 02 thuốc tại Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BYT

ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp, cụ thể như sau:

1. Nồng độ hàm lượng của thuốc số thứ tự 166 là “Cefpodoxim 100mg, đường dùng: uống, đơn vị tính: chai/lọ/ống/túi” được đính chính thành “Cefpodoxim 100mg/10ml đường dùng: uống, đơn vị tính: chai/lọ/ống/túi”.

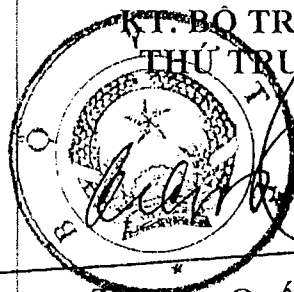
2. Đơn vị tính của thuốc số thứ tự 466 là “Paracetamol 80mg, đường dùng: uống, đơn vị tính: viên” được đính chính thành “Paracetamol 80mg, đường dùng: uống, đơn vị tính: gói”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) để xem xét, giải quyết. /g

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Công TTĐT CP);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng BYT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Y tế ngành (QP, CA, BCVT, GTVT);
- Hiệp hội DN Dược Việt Nam;
- Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Trang Thông tin điện tử Cục QLD;
- Lưu: VT, QLD(02), PC(02).



Trưởng Quốc Cường

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 340 / SY-SYT

Hải Phòng, ngày 10 tháng 09 năm 2019

Nơi nhận:

- Các đơn vị y tế trên địa bàn;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dược;
- Phòng Y tế các quận, huyện;
- VP; (đăng tải lên Cổng TTĐT SYT)
- Lưu: VT, NVD.

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG NVD**



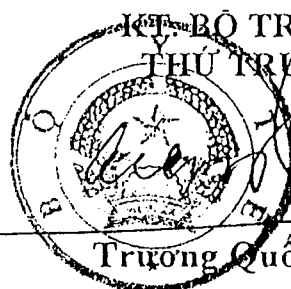
Đỗ Văn Thắng

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh mục các thuốc loại khỏi Danh mục thuốc tại Phụ lục Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4043/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Số/Tên Thông tư số 03/2019/TT-BYT	Hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng	ĐVT	Tiêu chí kỹ thuật
1	268	Ertapenem	1g	Tiêm/truyền	Chai/lọ/ống/túi	WHO-GMP
2	279	Etoposid	100mg	Uống	Viên	WHO-GMP
3	296	Fluorouracil	500mg	Tiêm/truyền	Chai/lọ/ống/túi	WHO-GMP
4	362	Leflunomid	10mg	Uống	Viên	WHO-GMP
5	422	Metronidazol + Cloramphenicol + Nystatin	200mg + 80mg + 100.000IU	Đặt âm đạo	Viên	WHO-GMP
6	487	Pefloxacin	400mg	Tiêm/truyền	Chai/lọ/ống/túi	WHO-GMP
7	494	Phenylephrin hydroclorid + Loratadin	5mg + 5mg	Uống	Viên	WHO-GMP
8	495	Piperacilin	1g	Tiêm/truyền	Chai/lọ/ống/túi	WHO-GMP
9	516	Progesteron	200mg	Uống	Viên	WHO-GMP
10	587	Thalidomid	100mg	Uống	Viên	WHO-GMP
11	615	Vitamin A + Vitamin D3	2500IU + 250IU	Uống	Viên	WHO-GMP



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Trương Quốc Cường